| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 409/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 5 - 2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Hoàng Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Mai.
2. Ông Vũ Trung Kiên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 770/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trần Nguyên T, sinh năm 1957; Địa chỉ: 11 Đường A, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1956; Địa chỉ: 11 Đường A, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Dương Thị T3 - Luật sư Văn phòng Luật sư D thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có mặt; bà T1, bà T3 có đơn xin vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện đơn phương ly hôn ngày 12 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn - ông Trần Nguyên T trình bày:*

Ông và bà Đỗ Thị T1 tự nguyện chung sống vào năm 1983, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số I do Ủy ban nhân dân phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phú cấp ngày 22/01/1983. Ngay từ những ngày đầu chung sống ông đã nhận thấy hôn nhân là không đúng, vội vã đối với ông. Nguyên nhân là do tại thời điểm ông đưa bà T1 về ra mắt gia đình lần đầu tiên, bà T1 đã cãi nhau với bố chồng, ông can ngăn nhưng không được, tình yêu và tình cảm vợ chồng về sau vì vậy giảm và mất dần theo thời gian. Trong quá trình 40 năm chung sống, giữa hai bên chênh lệch về nhận thức, không hợp nhau về tính cách, sở thích, quan điểm sống nên thường hay nghi ngờ và xúc phạm nhau, cuộc sống hôn nhân ít khi hòa thuận, không có niềm vui, chỉ có sự tẻ nhạt; bản thân ông thích làm việc và mải mê với

công việc nên đôi lúc sao nhãng việc nhà, những lúc như vậy bà T1 đều có những ngôn từ xem thường, cho rằng ông không có trách nhiệm với gia đình; khoảng một năm nay, bà T1 thường xuyên dùng những lời lẽ nặng nề xúc phạm ông; trước đây, bà T1 đã nhiều lần yêu cầu ly hôn nhưng ông không đồng ý vì thời điểm đó con còn nhỏ, không muốn ảnh hưởng đến sự phát triển của các con nên ông cố chịu đựng. Nay con đã trưởng thành, tình cảm vợ chồng không còn, tình người cũng không còn, ông nghĩ tiếp tục duy trì hôn nhân là sai lầm, gây đau khổ cho cả hai nên ông đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình được ly hôn bà T1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Đỗ Nguyên L - sinh năm 1993 và Trần Đỗ Thu T2 - sinh năm 1984. Hai con đã thành niên.

Về tài sản chung: Ông T yêu cầu tự thỏa thuận với bà T1.

Về nợ chung: Ông T khai không có.

*Tại bản tự khai ngày 28/10/2022 và quá trình tố tụng, bị đơn - bà Đỗ Thị Tl trình bày:*

Bà thống nhất ý kiến về thời gian chung sống, kết hôn như ông T trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân từ năm 1983 đến nay hoàn toàn bình thường, thỉnh thoảng có những bất hòa nhưng sau đó lại hòa hợp không có gì xảy ra. Gia đình bà là một gia đình hạnh phúc, vui vẻ, bạn bè, hàng xóm, người thân đều quý mến, có nhiều người ngưỡng mộ... Ông T là người hiền lành, chịu khó, yêu thương vợ con. Phần bà sức khỏe không ổn định, có nhiều bệnh trong người nên hay mất bình tĩnh, tình trạng trầm trọng hơn sau khi bà bị bệnh Covid-19 dẫn đến tính tình hay cáu gắt vô lý, nóng nảy không kiểm soát, do bà không nói cụ thể tình trạng bản thân nên ông T không hiểu. Ngày 12/10/2022, ông T nói ra nhà ngoài ngủ (gia đình bà có phòng cho thuê phía trước), từ đó ông T không sinh hoạt chung với gia đình, tự ý ly thân. Nay ông T yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì nhận thấy chưa làm gì quá đáng để ảnh hưởng đến hôn nhân, vợ chồng bà vẫn còn yêu thương nhau nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Đỗ Nguyên L - sinh năm 1993 và Trần Đỗ Thu T2 - sinh năm 1984. Hai con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Bà T1 trình bày không có thỏa thuận về tài sản chung vì không đồng ý ly hôn.

Về nợ chung: Bà T1 khai không có.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Nguyên T có đơn xin ly hôn bà Đỗ Thị T1, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình - bị đơn ngụ tại quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 BLTTDS.

[1.3] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số I do Ủy ban nhân dân phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phú cấp ngày 22/01/1983 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn và bị đơn chung sống trên cơ sở tự nguyện. Theo trình bày của nguyên đơn thì trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do hôn nhân không có tình yêu, tình cảm, tình người; bản thân ông luôn bị bà T1 xem thường, mỉa mai, dùng nhiều ngôn từ nặng nề xúc phạm; Hơn một năm nay, vợ chồng tự xa nhau dần, không sinh hoạt vợ chồng, sống ly thân dù vẫn ở chung nhà. Theo bị đơn trình bày, vợ chồng chung sống bình thường, không phát sinh mâu thuẫn, do nguyên đơn tự ý dọn ra nhà trên nên từ tháng 10/2022 vợ chồng ly thân. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn khẳng định không còn tình cảm vợ chồng cũng như tình người với bị đơn, giữ nguyên yêu cầu ly hôn; bị đơn có đơn trình bày do sức khỏe không đảm bảo nên đề nghị vắng mặt phiên tòa xét xử vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng ở đây, nguyên đơn và bị đơn đã không làm được điều này, khi có mâu thuẫn xảy ra, hai bên không đặt mình vào vị trí đối phương để có thể thấu hiểu, cảm thông và tha thứ cho nhau, cùng nhau giải quyết mâu thuẫn trong ôn hòa; thay vào đó, mỗi bên chọn ứng xử theo cách của riêng mình, cùng có thái độ, hành vi, lời nói tổn thương nhau.

Về phía nguyên đơn, vì bất mãn cách cư xử của bị đơn từ những ngày đầu thiết lập cuộc sống hôn nhân nên khi phát sinh mâu thuẫn, dù chỉ là nhỏ, ông cũng không bỏ qua khiến cảm nhận của ông về hôn nhân có phần thành kiến, không nhìn thấy được những điểm tốt của đối phương để có thể bao dung những điểm chưa hài hòa, không tìm hiểu lý do tại sao bị đơn xúc phạm mình mỗi khi vợ chồng bất hòa, không để tâm thay đổi bản thân để cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc; những cảm xúc tiêu cực nguyên đơn tích tụ lâu ngày đến một lúc tình cảm vợ chồng, tình người đều không còn,

từ đó mâu thuẫn nhỏ cũng thành lớn, dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc, chỉ còn là chịu đựng.

Về phía bị đơn, bà cho rằng hôn nhân vẫn bình thường, thi thoảng có mâu thuẫn nhưng không có gì xảy ra, sức khỏe bà không ổn định, nhiều bệnh nên tính tình hay cáu gắt vô lý, sau khi bị bệnh Covid-19 tình trạng trầm trọng hơn, bà thường bị mất bình tĩnh, nóng nảy không thể kiểm soát, do bà không chia sẻ tình trạng bản thân nên ông T không hiểu. Quá trình tố tụng, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không chủ động hòa giải với nguyên đơn dù Tòa án nhiều lần tạo điều kiện, không tìm hiểu lý do tại sao nguyên đơn không còn tình cảm vợ chồng, không để tâm thay đổi những điểm chưa hài hòa của bản thân để cùng nguyên đơn xây dựng gia đình an vui, không đưa ra được phương án gì để giải quyết dứt điểm mâu thuẫn; bị đơn cho rằng sức khỏe không tốt nên luôn trình bày ý kiến và đến Tòa vào thời điểm không có mặt nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn có đơn đề nghị vắng mặt phiên tòa vì sức khỏe không đảm bảo.

Nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày hai bên đã ly thân từ năm 2022 đến nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau. Tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Như vậy, có cơ sở để cho thấy nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh quyển số 01/F12 do Ủy ban nhân dân Phường 12 quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/12/1993 và Giấy khai sinh số 248/1984, quyển số 01/F11 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/1984 thì anh Trần Đỗ Nguyên L - sinh năm 1993 và chị Trần Đỗ Thu T2 - sinh năm 1984 là con chung của ông T và bà T1, hai con chung đã thành niên nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T yêu cầu tự thỏa thuận với bà T1, bà T1 không có ý kiến về tài sản chung do không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Vi bằng số 65/2023/VB-TPLVN ngày 04/3/2023, ông T và bà T1 đã tổ chức họp gia đình với nội dung thỏa thuận xử lý tài sản chung. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, ông T yêu cầu tài sản tự thỏa thuận, bà Tâm có đơn xin vắng mặt và không có ý kiến trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung của hai bên, trường hợp về sau ông T và bà T1 có phát sinh tranh chấp thì yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn trong vụ kiện khác.

[2.4] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu được miễn án phí theo quy định pháp luật đối với người cao tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 2 Luật Người cao tuổi;

- Điểm khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Trần Nguyên T:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Nguyên T được ly hôn với bà Đỗ Thị T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Đỗ Nguyên L - sinh năm 1993 và Trần Đỗ Thu T2 - sinh năm 1984. Hai con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung: Ông T tự thỏa thuận với bà T1.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Ông Trần Nguyên T được miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật đối với người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)*

**Trương Thị Hoàng Mai**